

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2020
*V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quyết
2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Long – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/8/2020 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1993.

ĐKKH: thôn X, xã N, thị xã K, tỉnh H;

Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh T1.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn G**, sinh năm 1994.

Trú tại: thôn X, xã N, thị xã K, tỉnh H;

- Người làm chứng:

1. Bà **Ninh Thị N1**, sinh năm 1971

Trú tại: thôn X, xã N, thị xã K, tỉnh H;

2. Ông **Nguyễn Quang D**, sinh năm 1971

Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh T1.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt, những người làm chứng đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Vũ Văn G kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã K, tỉnh H vào ngày 29/5/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 4 năm, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G không có trách nhiệm đến gia đình, cuộc sống vợ chồng không có sự chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Chị và anh G đã nhiều lần nói chuyện, song anh G không nghĩ đến suy nghĩ và cảm nhận của chị, dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Thời gian đầu vì nghĩ đến con, chị đã cố gắng chịu đựng, tuy nhiên chị càng chịu đựng thì cuộc sống vợ chồng càng trở lên áp lực đối với chị. Từ cuối năm 2019 chị và anh G sống ly thân, chấm dứt với nhau về mặt tình cảm. Đến tháng 6/2020, anh G và gia đình không cho chị tiếp tục sống tại gia đình, anh G đã chở chị về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh T1 từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh G không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị L xác định chị và anh G có hai con chung là Vũ A, sinh ngày 26/12/2012 và Vũ Đ1, sinh ngày 18/12/2017. Sau khi chị về nhà mẹ đẻ của chị ở T1 sinh sống, chị nhiều lần về thăm và đón các con nhưng anh G và gia đình anh G đều ngăn cản không cho đón và thăm các cháu. Lần gần đây nhất vào ngày 03/9/2020 khi chị về thăm các con chung, gia đình anh G ngăn cản dẫn đến các bên xảy ra xô xát. Anh G thường đi làm xa, thỉnh thoảng mới có ở nhà việc trông nom, chăm sóc các cháu A và cháu Đ1 đều do bố mẹ đẻ của anh G chăm sóc nuôi dưỡng. Do cháu A có nguyện vọng ở với anh G, chị tôn trọng nguyện vọng của cháu. Đối với cháu Vũ Đ1 hiện cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ1. Chị tự nguyện không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Vũ Văn G trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn anh G xác định như chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được

khoảng 4 năm thì đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh thấy chị L có nhiều mối quan hệ mập mờ. Giữa anh và chị L nhiều lần hòa giải nhưng chị L không có gì thay đổi. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L có nhiều mâu thuẫn và không thể đoàn tụ được với nhau. Việc chị L xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- Về nuôi dưỡng con chung: Anh G xác định vợ chồng có hai con chung có hai con chung là Vũ A, sinh ngày 26/12/2012 và Vũ Đ1, sinh ngày 18/12/2017. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn các con chung đều ở tại gia đình anh. Hiện tại công việc của anh là tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động, do tính chất công việc của anh nên chỉ thứ 7, chủ nhật anh mới về nhà. Việc trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng đối với cháu A, cháu Đ1 anh nhờ bố, mẹ đẻ của anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc nuôi dưỡng con chung của anh được đảm bảo vì thu nhập bình quân của anh hàng tháng từ 25 triệu đến 30 triệu đồng. Do vậy, việc chị L có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng các con chung thì anh không đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung, cụ thể như sau:

Lời khai của người làm chứng bà Ninh Thị N1(mẹ đẻ anh G) khai:

Thời điểm vợ chồng chị L, anh G mâu thuẫn là cuối năm 2017, đầu năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ cả hai bên, cả hai đều không còn niềm tin ở nhau dẫn đến không còn tiếng nói chung. Đến tháng 5/2020 mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh G trở lên căng thẳng, đôi bên xác định không muốn tiếp tục chung sống với nhau, anh G đã đưa chị L về nhà bố mẹ đẻ của chị L ở T1 sinh sống. Thời điểm anh G đưa chị L về nhà mẹ đẻ của chị L, chị L có nguyện vọng được đưa cháu Đ1 đi cùng, tuy nhiên do thời điểm đó các bên không thống nhất được quan điểm với nhau nên các cháu vẫn để lại cho vợ chồng bà chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ thời điểm chị L về T1 sinh sống, chị L có vài lần về thăm các cháu và mong muốn được đón đưa các cháu đi cùng, tuy nhiên do anh G không đồng ý nên các cháu vẫn ở cùng với vợ chồng bà. Lần gần nhất vào tháng 9/2020, chị L về thăm cháu và có nguyện vọng được đón các cháu đi, do gia đình bà không nhất trí dẫn đến các bên xảy ra xô xát. Hiện anh G đi làm xa, việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu do vợ chồng bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Quang D1(bố đẻ chị L) khai:

Xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh G có nhiều mâu thuẫn. Từ

tháng 5/2020, anh G đã chở trả chị L về gia đình của ông ở T1 từ đó cho đến nay. Do anh G thường đi làm xa, ít có thời gian gần gũi và chăm sóc các cháu, chị L nhiều lần về thăm và muốn đón cháu để chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy nhiên do gia đình anh G ngăn cản nên chị L không đón được các cháu. Nay chị L về ở với gia đình ông, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, ông và gia đình sẽ tạo điều kiện ổn định về chỗ ở ổn định và lâu dài cho mẹ con chị L.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh G, yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

Bị đơn anh G xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, anh chỉ đồng ý ly hôn với chị L khi chị L đồng ý để anh được nuôi cả hai con chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được triệu tập đến Tòa, đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh G đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội đoàn tụ được với nhau, tại phiên tòa **anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn, song anh G chỉ đồng ý ly hôn khi anh được nuôi dưỡng cả hai con chung**. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh G là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Giao cho anh G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Vũ A, sinh ngày 26/12/2012; Giao cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Vũ Đ1, sinh ngày 18/12/2017 đến khi mỗi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấm dưỡng nuôi con chung anh G, chị L không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về yêu cầu phân chia tài sản chung: Chị L, anh G đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng*: Bị đơn là anh Vũ Văn G cư trú, sinh sống tại xã N, thị xã K, tỉnh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

Về nội dung tranh chấp:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L, anh G kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã K, tỉnh H vào ngày 29/5/2013 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thì thấy về thời gian mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh G xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự tin tưởng, sự quý trọng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ cuối năm 2017 và trở lên trầm trọng từ tháng 5/2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh G đều xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được với nhau, tại phiên tòa anh G xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, tuy nhiên anh không nhất trí ly hôn với chị L, anh G chỉ đồng ý ly hôn với chị L khi anh được nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ thời điểm anh G đưa chị L về nhà bố mẹ chị L ở T1 sinh sống, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G và chị L càng trở lên trầm trọng hơn, anh G bỏ mặc chị L không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn để có cơ hội hòa giải đoàn tụ được với nhau. Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh G. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng vợ chồng chị L, anh G đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh G là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị L, anh G có hai con chung là Vũ A, sinh ngày 26/12/2012 và Vũ Đ1, sinh ngày 18/12/2017. Khi ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Vũ Đ1, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L. Anh G có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Vũ A và cháu Vũ Đ1, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng với anh. Trên cơ sở tài liệu chứng

cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời thừa nhận của anh G, lời khai của người làm chứng đều xác định anh G thường xuyên vắng nhà, việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu A và cháu Đ1 phần lớn là do bố mẹ anh G nuôi dưỡng. Việc anh G và gia đình anh G gây khó khăn cho chị L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung không những làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người mẹ đối với các con mà còn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các cháu. Xét yêu cầu của chị L xin được nuôi dưỡng con chung cháu Vũ Đ1 thì thấy, chị L hiện có công việc, có thu nhập và chỗ ở ổn định, cháu Đ1 hiện còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đ1; Đối với cháu Vũ A, chị L và anh G đều xác định cháu A có nguyện vọng xin được ở với anh G, mặc dù phần lớn thời gian trông nom, chăm sóc cháu A do bố mẹ đẻ anh G chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy nhiên về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng đối với cháu được đảm bảo. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung về học tập, chỗ ở cũng như nguyện vọng của cháu, giao cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Vũ A.

[5] *Về tài sản, vay nợ chung*: Chị L, anh G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[6] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ**: Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- **Căn cứ**: điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Vũ Văn G.

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Giao cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ Đ1, sinh ngày 18/12/2017. Giao cho anh G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ A, sinh ngày 26/12/2012. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung **kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật**. Chị L, anh G không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh H theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0007877 ngày 03/8/2020. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã K;
- Chi cục thi hành án DS thị xã K;
- UBND xã N, thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh